

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



HOÀNG THỊ THÚY VÂN

**PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG LẤN TRÁNH TRỢ CẤP
HÀNG HÓA NHẬP KHẨU Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Trần Viết Long**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc
sĩ họp tại: **Trường Đại học Luật**

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do lựa chọn đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	5
5. Phương pháp nghiên cứu	5
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận văn	6
7. Kết cấu của Luận văn	6
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG LẤN TRÁNH TRỢ CẤP HÀNG HÓA NHẬP KHẨU Ở VIỆT NAM.....	7
1.1. Một số vấn đề lý luận về chống lấn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu. 7	7
1.1.1. Khái niệm về trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu	7
1.1.2. Các loại trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu	8
1.1.2.1. Trợ cấp nông nghiệp và trợ cấp phi nông nghiệp	8
1.1.2.2. Trợ cấp riêng và trợ cấp chung	8
1.1.2.3. Trợ cấp bị cấm, trợ cấp có thể bị đối kháng và trợ cấp không bị đối kháng	10
1.1.3. Khái niệm về chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu	10
1.1.4. Các biện pháp chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu	11
1.1.4.1. Áp dụng thuế chống trợ cấp	11
1.1.4.2. Biện pháp cam kết	11
1.1.4.3. Biện pháp tạm thời	12
1.2. Khái quát pháp luật chống lấn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu	12
1.2.1. Khái niệm pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu	12
1.2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật chống lấn tránh biện pháp chống trợ cấp	13
1.2.2.1. Hành vi lấn tránh trợ cấp	13
1.2.2.2. Căn cứ tiến hành điều tra	14
1.2.2.3. Thủ tục điều tra	15
Tiểu kết Chương 1	15
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG LẤN TRÁNH TRỢ CẤP HÀNG HÓA NHẬP KHẨU Ở VIỆT NAM	16

2.1. Pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.....	16
2.1.1. Hành vi lẩn tránh biện pháp chống trợ cấp	16
2.1.2. Điều tra lẩn tránh biện pháp chống trợ cấp	16
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu ở Việt Nam.....	17
2.2.1. Những kết quả đã đạt được	17
2.2.2. Một số tồn tại, bất cập	18
Tiêu kết Chương 2	19
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG LẨN TRÁNH TRỢ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU Ở VIỆT NAM.....	20
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam	20
3.1.1. Nâng cao năng lực phòng vệ thương mại và pháp luật phòng chống lẩn tránh biện pháp chống trợ cấp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.....	20
3.1.2. Tăng cường quản lý và thực thi pháp luật đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, đầu tư nước ngoài	20
3.1.3. Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật chống lẩn tránh biện pháp chống trợ cấp cần được đặt trong một giải pháp tổng thể để hoàn thiện đồng bộ pháp luật về phòng vệ thương mại	20
3.1.4. Hoàn thiện các quy định và thực thi pháp luật chống lẩn tránh biện pháp chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu phải đảm bảo phù hợp với pháp luật trong nước.....	21
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp	21
3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật chống lẩn tránh biện pháp chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu ở Việt Nam.....	21
3.3.1. Tăng cường cơ chế phối hợp các cơ quan, đơn vị.....	21
3.3.2. Nâng cao năng lực cho cộng đồng doanh nghiệp	22
Tiêu kết Chương 3	23
KẾT LUẬN	24
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

HNKTQT	: Hội nhập kinh tế quốc tế
CQĐT	: Cơ quan điều tra
FTA	: Hiệp định thương mại tự do
SCM	: Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng
WTO	: Tổ chức thương mại thế giới

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành một xu thế vận động tất yếu của các nền kinh tế trên thế giới trong đó có Việt Nam. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ thương mại tự do với 55 đối tác thương mại thông qua việc đàm phán, ký kết các Hiệp định thương mại tự do (Free Trade Agreement – FTA), trong đó có các FTA thế hệ mới như Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership – CPTPP), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU – Vietnam Free Trade Agreement – EVFTA)...

Hội nhập kinh tế đã mang lại cho Việt Nam cũng như các nền kinh tế khác không chỉ những cơ hội mà còn là những thách thức. Quá trình mở cửa, dù theo lộ trình, với các đối tác thương mại lớn có thể khiến một số ngành sản xuất trong nước không thích ứng kịp với diễn biến cạnh tranh phức tạp, thậm chí không lành mạnh do hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài được trợ cấp. Thực tiễn cho thấy khi các nước tiến hành tự do hóa thương mại thì đồng thời họ cũng tìm cách để trợ cấp cho một số ngành sản xuất trong nước của họ. Các biện pháp trợ cấp rất phong phú, đa dạng và trong nhiều trường hợp đã tạo ra sự bóp méo cạnh tranh bình đẳng một cách tinh vi. Nếu có hiện tượng hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam được trợ cấp thì ngành sản xuất hàng hóa tương tự trong nước sẽ có thể phải hứng chịu những thiệt hại đáng kể. Việc phải áp dụng các biện pháp chống trợ cấp để bảo hộ hợp pháp cho ngành sản xuất hàng hóa trong nước, đồng thời bảo đảm sự cạnh tranh bình đẳng giữa các nhà sản xuất trong nước với các nhà sản xuất nước ngoài là hết sức cần thiết. Từ năm 2004, Việt Nam đã bắt đầu xây dựng pháp luật chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu thông qua việc ban hành pháp lệnh số 22/2004/PL-UBTVQH11 ngày 20/8/2004 về chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam. Đến năm 2017, với sự ra đời của Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14, pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu đã được hoàn thiện nhờ quá trình pháp điển hóa, sửa đổi bổ sung các nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại tại Chương IV quy định về Biện pháp phòng vệ thương mại của Luật này.

Như vậy, việc nghiên cứu, đánh giá một cách có hệ thống và toàn diện các quy định của pháp luật về chống lẫn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt

Nam là có ý nghĩa thực tiễn. Với những lý do nêu trên, tác giả đã lựa chọn đề tài "Pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu ở Việt Nam" làm đề tài Luận văn.

2. Tình hình nghiên cứu

Hiện nay, các công trình nghiên cứu về phòng vệ thương mại được các học giả công bố khá phổ biến, tuy nhiên về các đề tài về trợ cấp, chống trợ cấp và chống lẩn tránh trợ cấp có thể liệt kê như:

Lương Hoàng Thái, chủ nhiệm đề tài (2002), *Cơ sở khoa học áp dụng thuế chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học Bộ Thương mại, mã số 2001-78-049: Nêu cơ sở lý luận của trợ cấp và thuế chống trợ cấp, các quy định của WTO và thực tiễn áp dụng thuế chống trợ cấp của một số nước (Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc, một số nước ASEAN) và đưa ra kiến nghị, giải pháp liên quan tới việc áp dụng thuế chống trợ cấp tại Việt Nam.

- Nông Quốc Bình, Chủ nhiệm đề tài (2011), *Pháp luật về trợ cấp trong thương mại quốc tế - Lý luận và thực tiễn*, Đề tài cấp trường, Đại học Luật Hà Nội: Trình bày một số vấn đề lý luận và quy định của pháp luật đối với trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế của WTO, Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc và Việt Nam, thực tiễn áp dụng trợ cấp và các biện pháp đối kháng được giải quyết tại cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO, thực tiễn giải quyết tranh chấp về trợ cấp mà Việt Nam là bị đơn và thực tiễn xử lý các trường hợp hàng hóa nhập khẩu có hiện tượng được trợ cấp vào thị trường Việt Nam, từ đó đề xuất và kiến nghị cho Việt Nam giải pháp tăng cường cơ chế thực thi pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng, giải pháp tăng cường chức năng của cơ quan Nhà nước đối với trợ cấp và các biện pháp đối kháng và giải pháp trong việc xử lý các vụ việc về trợ cấp.

- Nguyễn Quang Hương Trà (2007), *Pháp luật về chống trợ cấp trong thương mại hàng hoá khi Việt Nam là thành viên tổ chức thương mại thế giới*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Luật Hà Nội: Trình bày một số khía cạnh lý luận về trợ cấp và tác động của trợ cấp đối với tự do hóa thương mại, pháp luật về chống trợ cấp trong lĩnh vực thương mại hàng hóa ở Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về chống trợ cấp trong lĩnh vực thương mại hàng hóa của Việt Nam.

- Đinh Thị Mỹ Loan (2008), *Hỏi đáp về pháp luật chống trợ cấp của Việt Nam và WTO*, NXB. Lao động - Xã hội: Trình bày một số nội dung cơ bản về pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam. Hiệp định của WTO về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (Hiệp định SCM).

- Đỗ Hồng Quyên (2009), *Pháp luật về trợ cấp của Việt Nam khi là thành viên tổ chức thương mại thế giới*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Luật Hà Nội: Trình bày khái niệm về trợ cấp và lịch sử các quy định về trợ cấp trong thương mại quốc tế, quy định của WTO và pháp luật Việt Nam về trợ cấp và biện pháp đối kháng, từ đó đưa ra đề xuất và giải pháp cho việc hoàn thiện các quy định về trợ cấp tại Việt Nam.

- La Văn Thái (2013), *Pháp luật về chống trợ cấp trong hoạt động thương mại ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Luật Hà Nội: Trình bày những vấn đề lý luận về chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu và pháp luật về chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu, nội dung của pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.

- Nguyễn Thị Thu Huyền (2014), *Một số vấn đề pháp lý về chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật Đại học Quốc gia: Trình bày cơ sở lý luận và khía cạnh pháp lý của vấn đề chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu, những nội dung cơ bản của pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam, tình hình áp dụng và kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.

- Nguyễn Quỳnh trang (2018), *Pháp luật về trợ cấp đối với các nước đang phát triển Theo quy định của WTO – bài học với Việt Nam*, Luận văn tiến sĩ, Đại học Luật Hà Nội: Trình bày những vấn đề lý luận pháp luật cơ bản của WTO về trợ cấp, đánh giá thực trạng pháp luật về trợ cấp của Việt Nam (bao gồm pháp luật về chống trợ cấp); từ đó rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

- Bộ Thương mại (2006), *Đề án Biện pháp phòng vệ chính đáng đối với hàng hóa sản xuất trong nước phù hợp với các quy định của Tổ chức thương mại quốc tế (WTO) và các cam kết mà Việt Nam đã ký kết*: Tìm hiểu hệ thống pháp luật của Việt Nam về các biện pháp phòng vệ chính đáng, thực trạng áp dụng, các khó khăn trong quá trình áp dụng từ đó đề ra các giải pháp và cách thức tổ chức thực hiện nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng doanh nghiệp sản xuất trong nước một cách có hiệu quả trong khuôn khổ Luật pháp và các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia hoặc công nhận.

- Nguyễn Thị Thu Trang (2016), *Sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại trong bối cảnh Việt Nam thực thi các FTA và cộng đồng kinh tế ASEAN*,

NXB Thông tin và truyền thông: Trình bày tổng quan về hiện trạng sử dụng công cụ phòng vệ thương mại, đánh giá nguy cơ hàng hóa nước ngoài cạnh tranh không lành mạnh ở Việt Nam trong bối cảnh FTAs và AEC, từ đó đề xuất các giải pháp tăng cường sử dụng công cụ phòng vệ thương mại trong bối cảnh mở cửa thị trường thực thi các FTAs và AEC.

- Nguyễn Thu Hương (2017), *Các biện pháp phòng vệ thương mại Theo hiệp định thương mại tự do*, Học viện Khoa học xã hội: Trình bày những vấn đề lý luận về các biện pháp phòng vệ thương mại Theo Hiệp định thương mại tự do, thực trạng áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại của Việt Nam và phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm tăng cường năng lực áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại của Việt Nam.

- Trương Vĩnh Xuân, Nguyễn Việt Anh (2020), *Nâng cao hiệu quả thực hiện quy định của pháp luật về các biện pháp phòng vệ thương mại*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, Số 21/2020, tr.11 – tr.19: Xem xét tác động của các quy định về biện pháp phòng vệ thương mại đối với thị trường hàng hóa, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam làm cơ sở để đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả thực hiện các quy định của pháp luật về các biện pháp này.

- Kim Thị Hạnh (2021), *Pháp luật về các biện pháp phòng vệ thương mại của Việt Nam*, Luận văn tiến sĩ, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Trình bày những vấn đề lý luận liên quan đến pháp luật về các biện pháp phòng vệ thương mại, thực tiễn pháp luật Việt Nam về các biện pháp phòng vệ thương mại và định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật, kiến nghị tăng cường thực hiện các biện pháp phòng vệ thương mại tại Việt Nam.

Như vậy, có thể thấy nghiên cứu các công trình về phòng vệ thương mại, các biện pháp chống lẩn tránh phòng vệ thương mại đã được tiếp cận khá cụ thể trong các công trình ở góc độ lý luận pháp luật, thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật. Các công trình trên tác giả sẽ kế thừa, nghiên cứu áp dụng trong nội dung luận văn triển khai ở các chương của đề tài.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu các vấn đề lý luận pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu; đánh giá thực trạng và thực tiễn pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam. Từ đó, đề xuất các phương hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu các nội dung sau đây:

- Nghiên cứu các vấn đề lý luận pháp luật về chống trợ cấp và pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp
 - Nghiên cứu trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam
 - Đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Luận văn nghiên cứu các quan điểm, chủ trương, chính sách và các vấn đề lý luận pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật chống lẩn tránh trợ cấp hàng nhập khẩu ở Việt Nam hiện nay qua các báo cáo tổng kết liên quan đến các biện pháp phòng vệ thương mại.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung nghiên cứu: Nghiên cứu các quy định pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp hàng nhập theo Luật Quản lý Ngoại thương năm 2017 và văn bản liên quan.

Về không gian nghiên cứu: Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu tại Việt Nam.

Về thời gian nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu từ năm 2018 đến năm 2021.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết được các vấn đề cụ thể mà nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài đặt ra, Luận văn sử dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau như phương pháp thống kê, phương pháp tổng hợp, phương pháp phân tích, phương pháp so sánh, phương pháp đối chiếu, phương pháp lịch sử, phương pháp phỏng đoán khoa học, phương pháp nghiên cứu tình huống... trong từng nội dung. Các phương pháp được sử dụng hài hòa trong các chương của luận văn. Cụ thể:

Phương pháp phân tích, phương pháp so sánh được sử dụng phổ biến trong các chương 1,2 của luận văn để làm rõ các vấn đề lý luận, thực trạng pháp luật theo nội dung nghiên cứu của luận văn.

Phương pháp đối chiếu, phương pháp lịch sử, phương pháp phỏng đoán khoa học, phương pháp nghiên cứu tình huống được sử dụng chủ yếu tập trung

chương 2 của luận văn, một số nội dung được sử dụng tại chương 1 và chương 2 luận văn để làm rõ các nội dung thuộc phạm vi nghiên cứu của luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận văn

Về mặt lý luận, Luận văn đã góp phần hoàn thiện những vấn đề lý luận khoa học pháp lý về chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu và pháp luật chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu; đánh giá, nhận định thực trạng pháp luật chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam hiện nay; và xác định luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

Về mặt thực tiễn, Luận văn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo trong việc nghiên cứu pháp luật chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu, trong công tác xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu.

7. Kết cấu của Luận văn

Ngoài Phần mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Phụ lục, Luận văn gồm có 03 chương như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu ở Việt Nam

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu ở Việt Nam

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG LẤN TRÁNH TRỢ CẤP HÀNG HÓA NHẬP KHẨU Ở VIỆT NAM

1.1. Một số vấn đề lý luận về chống lấn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu

1.1.1. Khái niệm về trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu

Khi một quốc gia thực hiện HNKTQT, việc mở cửa thị trường Theo các cam kết từ các hiệp định thương mại song phương và đa phương có thể khiến một số ngành sản xuất trong nước không thích ứng kịp với diễn biến cạnh tranh phức tạp, thậm chí không lành mạnh do hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài (nước xuất khẩu) được trợ cấp. Để khai thác lợi thế của tự do hóa thương mại, các nước thường sử dụng chiến lược đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa để chiếm lĩnh thị trường ở các nước khác. Và trợ cấp là một trong các chính sách thương mại có thể giúp gia tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu ở thị trường nước ngoài, thúc đẩy hoạt động xuất khẩu, tăng kim ngạch xuất khẩu. Theo đó, doanh nghiệp xuất khẩu được chính phủ hỗ trợ tài chính như cho vay, bảo lãnh vay, miễn giảm thuế, cung cấp hàng hóa, dịch vụ (trừ cơ sở hạ tầng nói chung), mua sắm hàng hóa hoặc hỗ trợ thu nhập, hỗ trợ giá... Bằng cách giảm các chi phí sản xuất, các khoản trợ cấp có thể bóp méo giá của hàng hóa nhập khẩu do đó đem lại lợi thế cạnh tranh cho hàng hóa nhập khẩu một cách không bình đẳng so với hàng hóa tương tự của nước nhập khẩu, giúp cho các nhà sản xuất ở nước xuất khẩu giành thêm thị phần tại thị trường của các nước nhập khẩu. Vì thế, trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu đã trở thành một mối quan ngại của nước nhập khẩu.

(1) Chủ thể của hành vi trợ cấp là chính phủ nước xuất khẩu

Theo quy định của WTO, trợ cấp là hành vi do Chính phủ (được hiểu là cơ quan chính phủ cấp trung ương và cơ quan chính phủ cấp địa phương) hoặc bất kỳ tổ chức công trên lãnh thổ nước thành viên trực tiếp thực hiện hoặc chỉ đạo thực hiện.

(2) Bản chất của hành vi trợ cấp là sự hỗ trợ tài chính của chính phủ nước xuất khẩu

Sự hỗ trợ tài chính của chính phủ nước xuất khẩu có thể dưới dạng đóng góp tài chính thông qua các hoạt động được quy định tại Điều 1.1(a).1 SCM, bao gồm:

(i) chính phủ chuyển trực tiếp các khoản vốn (ví dụ như cấp vốn, cho vay, hay góp cổ phần), có khả năng chuyển trực tiếp các khoản vốn hoặc các nghĩa

vụ (như bảo lãnh tiền vay); (ii) chính phủ miễn hoặc không thu các khoản mà đáng lẽ đối tượng liên quan phải nộp (như miễn, giảm thuế); (iii) chính phủ cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ không phải là cơ sở hạ tầng chung hoặc mua hàng hoá của đối tượng liên quan; (iv) chính phủ thanh toán một cơ chế tài trợ hoặc ủy thác hay chỉ đạo cho một tổ chức tư nhân thực thi một hay nhiều các chức năng nói trên, là những chức năng thông thường được trao cho chính phủ và công việc của tổ chức tư nhân này trong thực tế không khác với những hoạt động thông thường của chính phủ.

(3). Mục đích của hành vi trợ cấp là tạo ra lợi ích cho đối tượng nhận trợ

Không phải mọi hỗ trợ tài chính của chính phủ đều được xem là trợ cấp. Điều 1.1. (b) SCM quy định rằng bất kỳ đóng góp tài chính hoặc thu nhập hay hỗ trợ giá Theo Điều 1.1 (a) phải mang lại lợi ích cho đối tượng nhận trợ cấp. Mặc dù SCM không định nghĩa lợi ích mà đối tượng nhận trợ cấp là gì nhưng Điều 14 SCM có đưa ra hướng dẫn để tính toán lợi ích mang lại cho đối tượng nhận trợ cấp bằng cách tham chiếu đến các tiêu chí thương mại thông thường trên thị trường.

1.1.2. Các loại trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu

1.1.2.1. Trợ cấp nông nghiệp và trợ cấp phi nông nghiệp

Dựa vào lĩnh vực kinh tế, trợ cấp được chia thành trợ cấp nông nghiệp và trợ cấp phi nông nghiệp.

Trợ cấp nông nghiệp là trợ cấp dành cho các sản phẩm nông nghiệp và cho các hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp như: trợ cấp nghiên cứu giống cây, giống con; trợ cấp cho nông dân trồng lúa; trợ cấp đầu vào cho sản xuất nông nghiệp; thưởng Theo kim ngạch xuất khẩu nông sản; áp dụng cước phí vận tải ưu đãi với nông sản xuất khẩu...

Trợ cấp phi nông nghiệp là trợ cấp dành cho các sản phẩm công nghiệp và các hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp như thuế nhập khẩu ưu đãi với sản phẩm cơ khí thực hiện chương trình nội địa hóa; áp dụng lãi suất cho vay ưu đãi với các dự án phát triển sản phẩm công nghiệp trọng điểm hoặc trợ cấp dành cho dịch vụ như trợ cấp cho dịch vụ vận tải hàng hóa.

1.1.2.2. Trợ cấp riêng và trợ cấp chung

Dựa vào phạm vi đối tượng nhận trợ cấp, trợ cấp được chia thành trợ cấp riêng và trợ cấp chung.

Các hiệp định của WTO cũng tạm chia ra điều chỉnh trợ cấp Theo trợ cấp nông nghiệp (gồm hỗ trợ trong nước và trợ cấp xuất khẩu nông sản), trợ cấp phi nông sản (trợ cấp công nghiệp và trợ cấp dịch vụ). Cụ thể:

- Hiệp định về nông nghiệp (Agreement on Agriculture – AOA) điều chỉnh trợ cấp đối với các sản phẩm nông nghiệp từ Chương 1 đến Chương 24 của biểu mã HS (trừ cá và các sản phẩm cá), và trợ cấp cho một số sản phẩm khác ngoài các chương này như tinh dầu các loại (HS 3301), da song (HS từ 4101 - 4103), da lông loại thô (HS 4301), kén tằm và tơ song, phe liệu tơ (HS từ 5001-5003), lông cừu và lông động vật (HS từ 5101-5103), bông thô, phe liệu bông, bông đã chải thô hoặc chải kỹ (HS từ 5201-5203).

- SCM điều chỉnh về trợ cấp phi nông sản (tức là các sản phẩm ngoài phạm vi điều chỉnh của AOA). Do hàng nông sản vốn là nhóm mặt hàng nhạy cảm trong thương mại quốc tế; vì vậy, không dễ đạt được thỏa thuận về cắt giảm các hình thức trợ cấp cho loại hàng hoá này. Sau nhiều Vòng đàm phán khó khăn, các nước đã thống nhất một cơ chế thương mại riêng cho hàng nông sản thông qua AOA.

- *Trợ cấp riêng* (hay còn gọi là trợ cấp mang tính riêng biệt) là trợ cấp dành riêng cho một hoặc một nhóm đối tượng riêng biệt, đó là một doanh nghiệp hoặc một nhóm doanh nghiệp cụ thể hay một ngành sản xuất hoặc một nhóm ngành sản xuất nhất định, mà các đối tượng khác dù có hoàn cảnh tương tự nhưng không thể tiếp cận được. SCM quy định rằng, tính riêng biệt của trợ cấp có thể ở dạng riêng biệt theo pháp luật (*de jure specificity*) hoặc riêng biệt thực tế (*de facto specificity*).

- *Trợ cấp chung* (còn gọi là trợ cấp không mang tính riêng biệt) là trợ cấp được áp dụng không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp, các ngành sản xuất, tiêu chí để hưởng trợ cấp là khách quan, không tạo ra khả năng tùy tiện xem xét, dẫn tới ưu đãi riêng với bất kỳ đối tượng nào. Ảnh hưởng của trợ cấp chung đối với giá hàng hóa liên quan là không có vì tất cả các doanh nghiệp đều cùng được hưởng mức trợ cấp như nhau nên sự phân bổ nguồn lực trong nội bộ nền kinh tế sẽ không hề khác với khi không có các khoản trợ cấp. Đây cũng chính là lý do tại sao SCM quy định về tính riêng biệt của trợ cấp và không cấm các trợ cấp chung.

1.1.2.3. Trợ cấp bị cấm, trợ cấp có thể bị đối kháng và trợ cấp không bị đối kháng

Dựa vào mức độ ảnh hưởng của trợ cấp đến thương mại, trợ cấp được chia thành trợ cấp bị cấm, trợ cấp có thể bị đối kháng và trợ cấp không bị đối kháng (Theo quy định của SCM)

Trợ cấp bị cấm

SCM liệt kê hai loại trợ cấp bị cấm là trợ cấp xuất khẩu (*export subsidies*) và trợ cấp ưu tiên sử dụng hàng nội địa (*import substitution subsidies*).

Trợ cấp có thể bị đối kháng

Trợ cấp có thể bị đối kháng bao gồm tất cả các loại trợ cấp mang tính riêng biệt.

Cần lưu ý rằng, sự phân biệt giữa trợ cấp bị cấm và trợ cấp có thể bị đối kháng chỉ có ý nghĩa trong to tụng tại WTO bởi các tác động ngược bao gồm trong điều trathiệt hại đáng kể và hai khả năng phát hiện ra tác động ngược là: (i) sự vô hiệu của GATT đối với một thành viên; hoặc (ii) gây thiệt hại nghiêm trọng đối với lợi ích của thành viên khác. Theo quan điểm Luật chống trợ cấp các nước thì trợ cấp bị cấm và trợ cấp có thể bị đối kháng được đối xử giống nhau.

Trợ cấp không bị đối kháng

Loại trợ cấp này bao gồm tất cả các loại trợ cấp không mang tính riêng biệt. Trợ cấp này gồm có ba hình thức trợ cấp cụ thể: (i) Nghiên cứu và phát triển (Research and Development) như khoản hỗ trợ của chính phủ đối với các hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghiệp với một số điều kiện về loại trợ cấp và mức trợ cấp cụ thể; (ii) Phát triển vùng/khu vực khó khăn (với các tiêu chí xác định cụ thể như mức thu nhập bình quân, tỷ lệ thất nghiệp); và (iii) trợ cấp hỗ trợ điều chỉnh các điều kiện sản xuất phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh mới.

1.1.3. Khái niệm về chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu

Chính sách trợ cấp của nước xuất khẩu có thể làm thay đổi giá trị kinh tế thực của hàng hóa xuất khẩu được trợ cấp và do đó làm tăng giả tạo lợi thế cạnh tranh của chúng, bóp méo cạnh tranh lành mạnh trên thị trường nước nhập khẩu, gây thiệt hại đến ngành sản xuất hàng hóa tương tự của nước nhập khẩu. Vì vậy, nước nhập khẩu sẽ phải tìm cách vô hiệu hóa tác động tiêu cực

xuất phát từ chính sách trợ cấp tại nước xuất khẩu để đưa cạnh tranh trên thị trường trở lại vị trí cân bằng.

Cách thứ nhất là bản thân các doanh nghiệp của nước nhập khẩu chịu ảnh hưởng bởi chính sách trợ cấp của nước xuất khẩu có thể tìm hiểu nguyên nhân làm cho sản phẩm của mình kém cạnh tranh hơn so với hàng hóa nhập khẩu được trợ cấp.

Cách thứ hai là Chính phủ nước nhập khẩu hỗ trợ ngành sản xuất nội địa của mình bằng các khoản trợ cấp tài chính dưới các hình thức tín dụng lãi suất thấp, thưởng khuyến khích sản xuất...

Cách thứ ba là Chính phủ nước nhập khẩu thực hiện các biện pháp trực tiếp chống lại hàng hóa nhập khẩu được trợ cấp.

Như vậy, *chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu* được hiểu là việc Chính phủ nước nhập khẩu áp dụng các biện pháp phù hợp, tác động trực tiếp đến doanh nghiệp nhận trợ cấp để loại bỏ những thiệt hại mà hàng hóa nhập khẩu được trợ cấp đã gây ra cho ngành sản xuất hàng hóa tương tự trong nước.

1.1.4. Các biện pháp chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu

Từ GATT 1947, qua vòng đàm phán Tokyo và vòng đàm phán Uruguay, những nguyên tắc, tr t tự đối với các biện pháp mà nước nhập khẩu thành viên có thể áp dụng để chống trợ cấp (được gọi là các biện pháp chống trợ cấp hay các biện pháp đối kháng) đã được thiết lập và hoàn thiện Theo xu hướng tự do hoá thương mại. Đến nay, các biện pháp chống trợ cấp mà nước nhập khẩu thành viên WTO có thể áp dụng đối với hàng nhập khẩu được trợ cấp Theo quy định của SCM bao gồm thuế chống trợ cấp, biện pháp cam kết và biện pháp tạm thời.

1.1.4.1. Áp dụng thuế chống trợ cấp

Đây là biện pháp chống trợ cấp chính thức và được áp dụng phổ biến nhất. Theo Hiệp định GATT¹, thuế chống trợ cấp được hiểu là một khoản thuế đặc biệt nhằm mục đích bồi hoàn cho khoản trợ cấp đã được cung cấp một cách trực tiếp hoặc gián tiếp trong quá trình chế biến, sản xuất hoặc xuất khẩu của bất kỳ loại hàng hoá nào.

1.1.4.2. Biện pháp cam kết

Biện pháp cam kết là biện pháp chống trợ cấp được hình thành dựa trên sự tự nguyện. Thông thường, Chính phủ nước xuất khẩu hoặc nhà xuất khẩu sẽ yêu

¹ Đoạn 3 Điều VI Hiệp định GATT

cầu áp dụng biện pháp cam kết để cơ quan có thẩm quyền xem xét. SCM khuyến nghị yêu cầu áp dụng biện pháp cam kết có thể không được chấp nhận nếu như các cơ quan có thẩm quyền xét thấy việc chấp nhận đó không mang tính thực tế, ví dụ nếu số lượng các nhà xuất khẩu hiện tại hoặc tiềm năng quá lớn hoặc các lý do thuộc chính sách chung... Trong trường hợp như vậy, khi có điều kiện thực hiện, cơ quan có thẩm quyền sẽ cho nhà xuất khẩu biết lý do tại sao việc chấp nhận cam kết là không thực tế, và trong chừng mực có thể, sẽ tạo điều kiện cho các nhà xuất khẩu trình bày ý kiến của mình. SCM cũng cho phép cơ quan có thẩm quyền gợi ý việc áp dụng biện pháp cam kết về giá nhưng nhà xuất khẩu không bị buộc phải đưa ra cam kết đó.

1.1.4.3. Biện pháp tạm thời

Thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước có thể sẽ gia tăng nếu đợi kết thúc điều tra mới áp thuế chống trợ cấp, do đó, SCM cho phép nước nhập khẩu sử dụng biện pháp tạm thời trong quá trình điều tra đối với hàng nhập khẩu đang bị điều tra chống trợ cấp. Tuy nhiên, để tránh biện pháp tạm thời có thể bị lạm dụng trở thành công cụ hạn chế nhập khẩu khi chưa có kết luận cuối cùng là hàng hoá nhập khẩu được trợ cấp, SCM quy định biện pháp tạm thời sẽ chỉ được phép áp dụng khi tuân thủ các điều kiện chặt chẽ Theo quy định tại Điều 17 SCM.

1.2. Khái quát pháp luật chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu

1.2.1. Khái niệm pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu

Trong thời gian gần đây, hội nhập song phương hay khu vực tồn tại song song với hội nhập đa phương. Các FTA ra đời từ quá trình hội nhập song phương hay khu vực cũng đưa ra các điều khoản về chống trợ cấp với nội dung cơ bản dựa trên các cam kết chung về chống trợ cấp trong khuôn khổ WTO. Một số FTA đưa ra các điều kiện áp dụng biện pháp chống trợ cấp, nghĩa vụ đảm bảo về thủ tục điều tra và áp dụng biện pháp chống trợ cấp có phần khắt khe hơn so với SCM để đảm bảo mức độ tự do hóa thương mại cao hơn; điều này, hoàn toàn phù hợp với mong muốn của WTO, đó là: "...Các bên ký kết thừa nhận lòng mong muốn thương mại được tự do hơn, thông qua các hiệp định được ký kết tự nguyện, nhờ đó phát triển sự hội nhập hơn nữa kinh tế các nước tham gia các hiệp định đó."

Như vậy, khái niệm pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu như sau: *Pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu là tổng thể các quy phạm pháp luật do cơ quan có thẩm quyền của một nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình áp dụng biện pháp chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu nhằm duy trì thương mại công bằng, bảo vệ ngành sản xuất hàng hóa tương tự trong nước.*

1.2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật chống lẫn tránh biện pháp chống trợ cấp

1.2.2.1. Hành vi lẫn tránh trợ cấp

Các nhà sản xuất, xuất khẩu hàng hóa là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống trợ cấp thường cố gắng giảm thiểu thậm chí triệt tiêu tác động tiêu cực của việc áp dụng biện pháp chống trợ cấp đối với hoạt động kinh doanh thương mại của mình thông qua các hành vi lẫn tránh, từ đơn giản đến phức tạp. Cụ thể:

Một là, lẫn tránh bằng cách chuyển tải: nhà sản xuất, nhà xuất khẩu hàng hóa là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống trợ cấp chuyển khẩu hàng hóa sang nước thứ ba để lấy xuất xứ nước đó rồi mới xuất khẩu sang nước nhập khẩu.

Hai là, lẫn tránh bằng cách khai hải quan sai: nhà sản xuất, nhà xuất khẩu hàng hóa là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống trợ cấp thực hiện hành vi như khai xuất xứ hàng hóa sai, mô tả sản phẩm sai...

Ba là, lẫn tránh bằng việc lắp ráp hàng hóa tại nước nhập khẩu (lẩn tránh thượng nguồn): nhà sản xuất, nhà xuất khẩu hàng hóa là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống trợ cấp đưa linh kiện của sản phẩm vào nước nhập khẩu rồi lắp ráp lại tại nước nhập khẩu, sử dụng kỹ thuật, công nghệ rất cơ bản với giá trị gia tăng thấp. Đây được xem là hình thức lẫn tránh truyền thống nhất.

Bốn là, lẫn tránh hạ nguồn: nhà sản xuất, nhà xuất khẩu xuất khẩu hàng hóa bổ sung một hoặc một số linh kiện quan trọng là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống trợ cấp vào một sản phẩm không bị áp dụng biện pháp chống trợ cấp.

Năm là, lẫn tránh thông qua lắp ráp tại nước thứ ba (lẩn tránh qua nước thứ ba): nhà sản xuất, nhà xuất khẩu hàng hóa là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống trợ cấp đưa linh kiện của sản phẩm sang lắp ráp tại nước thứ ba, áp dụng quy tắc xuất xứ để lấy xuất xứ của nước thứ ba này.

Sáu là, lẫn tránh thông qua thay đổi nhỏ sản phẩm: nhà sản xuất, nhà xuất khẩu nước hàng hóa là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống trợ cấp tạo ra thay

đổi nhỏ hình dạng, bề ngoài, hoặc bao bì của sản phẩm dẫn tới thay đổi mã số hàng hóa, sản phẩm được nhập khẩu vào nước áp dụng biện pháp chống trợ cấp. Theo một mã HS khác với loại là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống trợ cấp.

Bảy là, lẫn tránh thông qua phát triển sản phẩm thế hệ mới: nhà sản xuất, nhà xuất khẩu hàng hóa là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống trợ cấp tạo ra thay đổi nhỏ về thiết kế của sản phẩm hoặc bổ sung một số tính năng, đặc điểm bổ sung của sản phẩm.

Tám là, lẫn tránh thông qua dàn xếp giữa các nhà xuất khẩu: nhà sản xuất, xuất khẩu hàng hóa là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống trợ cấp chuyển hàng hóa sang cho nhà sản xuất, xuất khẩu khác ở nước đó (chịu mức thuế chống trợ cấp với mức thấp hơn) để xuất khẩu sang nước ra quyết định áp dụng biện pháp chống trợ cấp.

1.2.2.2. Căn cứ tiến hành điều tra

Về căn cứ tiến hành điều tra, do vụ việc chống lẫn tránh biện pháp chống trợ cấp xuất phát từ một vụ việc chống trợ cấp đã có kết luận về việc áp dụng biện pháp chống trợ cấp nên cần phải trên cơ sở xem xét hiệu quả của biện pháp chống trợ cấp đang áp dụng và hồ sơ yêu cầu của đại diện ngành sản xuất trong nước cho thấy:

(i) có dấu hiệu về hành vi lẫn tránh thuế,

(ii) có sự thay đổi trong xu hướng thương mại thông thường giữa nước nhập khẩu với các nước thứ ba hoặc giữa nước nhập khẩu với nước xuất khẩu bị áp dụng biện pháp chống trợ cấp hoặc giữa nước nhập khẩu với doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu cụ thể tại nước xuất khẩu bị áp dụng biện pháp chống trợ cấp,

(iii) có mối liên hệ trực tiếp giữa việc thay đổi xu hướng thương mại với việc áp dụng biện pháp chống trợ cấp, cụ thể, việc áp dụng biện pháp chống trợ cấp là nguyên nhân thay đổi xu hướng thương mại,

(iv) có thiệt hại hoặc suy giảm hiệu quả của biện pháp chống trợ cấp;

(v) hàng hóa lẫn tránh biện pháp chống trợ cấp được hưởng lợi ích từ trợ cấp có thể bị đối kháng...

1.2.2.3. Thủ tục điều tra

Đối với thủ tục điều tra, cần lưu ý rằng, đối với mỗi hành vi lẫn tránh biện pháp chống trợ cấp, cần phải xác định liệu có cần phải điều tra một cách đầy đủ về trợ cấp và thiệt hại của ngành sản xuất trong nước hay không.

Thứ nhất, giảm hiệu quả của biện pháp chống lẫn tránh biện pháp chống trợ cấp

Thứ hai, tạo ra gánh nặng cho cơ quan điều tra

Tiểu kết Chương 1

Như vậy có thể thấy, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng như hiện nay, thực thi các cam kết quốc tế về phòng vệ thương mại đối với mỗi quốc gia đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình thực thi chính sách thương mại quốc tế, pháp luật quản lý ngoại thương. Chống lẫn tránh biện pháp chống trợ cấp đòi hỏi có những nhận diện pháp lý đầy đủ, tương thích với hệ thống pháp luật quốc tế. Luận giả về khái niệm pháp luật chống hành vi lẫn tránh chống trợ cấp cần được soi xét vào các hành vi, hậu quả và mối quan hệ nhân quả trong quá trình tiếp cận các vụ việc, đánh giá được nội dung của hành vi lẫn tránh chống trợ cấp để thiết lập các yêu cầu thực thi pháp luật phù hợp.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG LẤN TRÁNH TRỢ CẤP HÀNG HÓA NHẬP KHẨU Ở VIỆT NAM

2.1. Pháp luật về chống lấn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam

2.1.1. Hành vi lấn tránh biện pháp chống trợ cấp

Theo Luật Quản lý ngoại thương, hành vi lấn tránh biện pháp chống trợ cấp được hiểu là hành vi nhằm trốn tránh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thực thi biện pháp chống trợ cấp đang có hiệu lực đối với hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng biện pháp này khi nhập khẩu vào lãnh thổ Việt Nam. Đây là một định nghĩa tương đối rộng, tạo điều kiện cho Việt Nam có thể dễ dàng khởi xướng, điều tra áp dụng biện pháp chống lấn tránh biện pháp chống trợ cấp trên thực tế.

Định nghĩa về hành vi lấn tránh biện pháp chống trợ cấp tại Luật Quản lý ngoại thương năm 2017² tương đối rộng nhưng những hành vi lấn tránh biện pháp chống trợ cấp cụ thể được quy định tại Điều 73 Nghị định 10/2018/NĐ-CP bao gồm:

- (i) chuyển tải thông qua nước thứ ba,
 - (ii) thay đổi không đáng kể hàng hóa,
 - (iii) thay đổi hình thức kinh doanh và kênh phân phối để hưởng lợi từ mức áp dụng biện pháp chống trợ cấp thấp hơn mức đang áp dụng.
- *Lấn tránh bằng cách chuyển tải thông qua nước thứ ba*
 - *Lấn tránh thông qua thay đổi không đáng kể hàng hóa bị áp dụng biện pháp chống trợ cấp*
 - *Lấn tránh thông qua thay đổi hình thức kinh doanh và kênh phân phối để hưởng lợi từ mức áp dụng biện pháp chống trợ cấp thấp hơn mức đang áp dụng*

2.1.2. Điều tra lấn tránh biện pháp chống trợ cấp

Pháp luật Việt Nam hiện nay quy định có thể tiến hành điều tra hành vi lấn tránh biện pháp chống trợ cấp trong hai trường hợp sau:

- (i) Theo yêu cầu của đại diện ngành sản xuất trong nước;

² Điều 72 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017

(ii) Trong trường hợp không có yêu cầu của đại diện ngành sản xuất trong nước nhưng nhận thấy có dấu hiệu về hành vi lẩn tránh biện pháp chống trợ cấp, Cục phòng vệ thương mại tiến hành lập Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp chống trợ cấp trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét quyết định điều tra.

Việc điều tra chống lẩn tránh biện pháp chống trợ cấp bao gồm các nội dung sau đây:

(i) Xác định hành vi lẩn tránh biện pháp chống trợ cấp;

(ii) Sự thay đổi dòng chảy thương mại từ các nước xuất xứ hoặc nước xuất khẩu hàng hóa sau khi quyết định áp dụng biện pháp chống trợ cấp có hiệu lực và sự thay đổi này là nguyên nhân của việc lẩn tránh biện pháp chống trợ cấp đang có hiệu lực;

(iii) Thiệt hại của ngành sản xuất trong nước hoặc sự giảm hiệu quả của biện pháp chống trợ cấp đang có hiệu lực.

Từ những quy định của pháp luật về chống lẩn tránh biện pháp chống trợ cấp, có thể đánh giá thực trạng pháp luật ở các vấn đề sau đây:

Một là, quy định tại Khoản 3 Điều 72 Luật Quản lý ngoại thương chưa rõ vì có thể gây ra hiểu lầm rằng Cục phòng vệ thương mại có thẩm quyền quyết định tiến hành điều tra chống lẩn tránh.

Hai là, quy định tại Điều 73 Nghị định 10/2018/NĐ-CP đề cập đến hai hành vi lẩn tránh là lẩn tránh thông qua lắp ráp tại Việt Nam và lẩn tránh thông qua lắp ráp tại nước thứ ba.

Ba là, quy định mở rộng phạm vi áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại chưa làm rõ làm rõ nội dung về phạm vi áp dụng cũng như mức thuế áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp chống trợ cấp sẽ thế nào.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu ở Việt Nam

2.2.1. Những kết quả đã đạt được

Luật Quản lý Ngoại thương năm 2017 có hiệu lực, Việt Nam đã chủ động triển khai thi hành pháp luật phòng vệ thương mại nói chung và pháp luật về chống lẩn tránh biện pháp chống trợ cấp nói riêng để thiết lập môi trường cạnh tranh công bằng và bảo vệ lợi ích chính đáng của ngành sản xuất trong nước.

Thứ nhất, Cục phòng vệ thương mại đã từng bước được hoàn thiện cơ cấu tổ chức nhân sự để có thể triển khai các chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao.

Thứ hai, hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng vệ thương mại nói chung và chống trợ cấp nói riêng đã được triển khai Cục phòng vệ thương mại đã triển khai nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật và các chính sách có liên quan đến các lĩnh vực chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam cho cộng đồng doanh nghiệp, các cơ quan và tổ chức có liên quan; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho tổ chức, cá nhân liên quan tới công tác chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.

Thứ ba, các hoạt động tăng cường năng lực phòng vệ thương mại nói chung và năng lực chống trợ cấp nói riêng cho các doanh nghiệp sản xuất trong nước đã được triển khai

Theo Quyết định số 1347/QĐ-BCT, Bộ Công thương đã và đang triển khai rất nhiều hoạt động với mục đích tăng cường năng lực phòng vệ thương mại cho các ngành sản xuất trong nước như:

(i) đào tạo về phòng vệ thương mại,

(ii) cung cấp thông tin về phòng vệ thương mại cho các Hiệp hội và ngành sản xuất trong nước,

(iii) Theo dõi, xem xét khởi xướng điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại Theo quy định pháp luật, chủ động bảo vệ sản xuất trong nước, (iv) nghiên cứu lồng ghép nội dung phòng vệ thương mại vào trong các chiến lược, kế hoạch phát triển các ngành công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp ưu tiên...

Thứ tư, Việt Nam đã tiến hành các vụ việc điều tra chống trợ cấp để bảo vệ ngành sản xuất trong nước

2.2.2. Một số tồn tại, bất cập

Thứ nhất, cơ quan quản lý còn lúng túng trong quá trình thực thi pháp luật chống lẫn tránh biện pháp chống trợ cấp đối với hàng nhập khẩu

Thứ hai, nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp về các biện pháp phòng vệ thương mại nói chung và chống trợ cấp nói riêng chưa sâu và khả năng khởi kiện còn hạn chế, các doanh nghiệp chưa thể chủ động trong việc sử dụng biện pháp chống trợ cấp để bảo vệ lợi ích của chính doanh nghiệp mình.

Tiểu kết Chương 2

Hiện nay các quy định về cơ quan thực thi pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam đã được sửa đổi về cơ bản, các quy định về tổ chức tham vấn, sử dụng tỷ giá quy đổi khi tính toán biên độ trợ cấp... đã được hủy bỏ, các quy định về rà soát chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam, quy định về miễn trừ áp dụng biện pháp chống trợ cấp, quy định về chống lẫn tránh biện pháp chống trợ cấp... đã được bổ sung. Do đó, pháp luật về chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam hiện nay đã đầy đủ hơn, bao quát được các vấn đề nảy sinh trên thực tế.

Pháp luật chống lẫn tránh biện pháp chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam cho thấy cơ quan điều tra đã từng bước được hoàn thiện cơ cấu tổ chức nhân sự để có thể triển khai các chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao; nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp về biện pháp chống trợ cấp đã được nâng lên; vụ việc điều tra chống trợ cấp và chống bán phá giá đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ Thái Lan đã được hoàn thành và vụ việc điều tra chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại (chống trợ cấp và chống bán phá giá) đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Cam-pu-chia, Lào, Ma-lay-xi-a, Mi-an-ma và In-đô-nê-xi-a đang được tiến hành đã góp phần bảo vệ ngành sản xuất đường mía trong nước. Tuy nhiên, vẫn còn những biểu hiện cho thấy sự lúng túng của cơ quan điều tra trong quá trình thực thi pháp luật, khả năng khởi kiện chống trợ cấp của cộng đồng doanh nghiệp còn hạn chế...

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG LẤN TRÁNH TRỢ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU Ở VIỆT NAM

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam

3.1.1. Nâng cao năng lực phòng vệ thương mại và pháp luật phòng chống lẫn tránh biện pháp chống trợ cấp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng cũng nêu rõ như sau: “*Tận dụng tối đa các điều kiện thuận lợi của các hiệp định, thỏa thuận thương mại để thúc đẩy xuất khẩu; đồng thời có biện pháp phòng vệ thích hợp để bảo vệ sản xuất và lợi ích người tiêu dùng*”. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030 của Đại hội Đảng lần thứ XIII tiếp tục khẳng định: “*Có chính sách thương mại phù hợp với hội nhập kinh tế quốc tế; nghiên cứu các biện pháp phòng vệ thích hợp để bảo vệ sản xuất và lợi ích người tiêu dùng, phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia.*”

3.1.2. Tăng cường quản lý và thực thi pháp luật đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, đầu tư nước ngoài

Tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, đầu tư nước ngoài; Nâng cao nhận thức, hiệu quả thực thi quy định pháp luật về phòng vệ thương mại, xuất xứ, hải quan, chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại; Rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ; Ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ hàng hóa.

3.1.3. Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật chống lẫn tránh biện pháp chống trợ cấp cần được đặt trong một giải pháp tổng thể để hoàn thiện đồng bộ pháp luật về phòng vệ thương mại

- Việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi các quy định và thực thi pháp luật chống trợ cấp cần nghiên cứu kỹ và tương thích các quy định của WTO và FTAs mà Việt Nam đã ký kết cũng như tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia khác;

- Việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật chống trợ cấp phải đảm bảo được sự hài hòa giữa bảo hộ sản xuất trong nước và lợi ích kinh tế - xã hội.

3.1.4. Hoàn thiện các quy định và thực thi pháp luật chống lẫn tránh biện pháp chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu phải đảm bảo phù hợp với pháp luật trong nước

Trợ cấp của chính phủ nước xuất khẩu với mục đích làm tăng lợi thế về chi phí sản xuất của các doanh nghiệp được trợ cấp, từ đó giúp các doanh nghiệp này theo đuổi và duy trì chính sách cạnh tranh về giá để chiếm lĩnh nhiều hơn thị phần tại thị trường Việt Nam là biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh. Điều này sẽ gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước sản xuất hàng hóa tương tự với hàng hóa nhập khẩu được trợ cấp và có thể gây thiệt hại cho nền kinh tế của Việt Nam trong thời gian trung hạn và dài hạn.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về chống lẫn tránh trợ cấp

Thứ nhất, Điều chỉnh, sửa đổi điều 72 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 để bảo đảm phù hợp với thực tiễn

Thứ hai, hoàn thiện quy định về chống hành vi lẫn tránh biện pháp chống trợ cấp đối với hàng nhập khẩu tương thích với pháp luật quốc tế

Thứ ba, bổ sung quy định cụ thể về vấn đề mở rộng phạm vi áp dụng biện pháp chống trợ cấp đối với hành vi lẫn tránh biện pháp chống trợ cấp như: Làm rõ mức thuế áp dụng biện pháp chống lẫn tránh sẽ là mức thuế chống trợ cấp của vụ việc điều tra ban đầu (do phạm vi áp dụng biện pháp chống trợ cấp có thể được mở rộng đối với hàng hóa lẫn tránh) hay là có thể tính toán mức thuế mới.

Thứ tư, quy định về thời hạn điều tra khác nhau cho các hành vi lẫn tránh biện pháp chống trợ cấp khác nhau phù hợp với tính chất của từng hành vi

3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật chống lẫn tránh biện pháp chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu ở Việt Nam

Một là, kiện toàn và nâng cao năng lực của các cơ quan điều tra áp dụng biện pháp chống trợ cấp

Kinh nghiệm của các nước cho thấy việc thực thi pháp luật chống trợ cấp sẽ gặp khó khăn nếu bộ máy thực thi không có được cơ cấu đủ chặt chẽ và nguồn lực (bao gồm nguồn nhân lực, vật lực và hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật) đủ để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

3.3.1. Tăng cường cơ chế phối hợp các cơ quan, đơn vị

Việc thực thi pháp luật chống trợ cấp đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên của nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau. Do đó, cần chú trọng xây dựng thể chế, cơ chế phối hợp liên ngành trong việc điều tra, áp dụng, thực thi các biện pháp

chống trợ cấp. Cùng cố cơ chế phối hợp thống nhất, xuyên suốt xử lý các vụ việc chống trợ cấp giữa các Bộ, ngành trung ương và địa phương; giữa các cơ quan trong nước và ngoài nước; giữa các cơ quan quản lý nhà nước và hiệp hội.

3.3.2. Nâng cao năng lực cho cộng đồng doanh nghiệp

Mặc dù, cơ quan điều tra có thể tự khởi xướng một vụ điều tra chống trợ cấp, tuy nhiên hầu hết các vụ việc chống trợ cấp được khởi xướng dựa trên đơn kiện của các nhà sản xuất trong nước. Lý do rất dễ hiểu vì các nhà sản xuất trong nước là chủ thể trực tiếp tiếp cận và phát hiện được các hành vi cạnh tranh không công bằng của các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài, hoặc hiểu được những thiệt hại mà ngành sản xuất mình đang gặp phải do hành vi cạnh tranh không lành mạnh gây ra.

Tiểu kết Chương 3

Trong điều kiện Việt Nam hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế, việc phải sử dụng biện pháp chống trợ cấp để bảo hộ hợp pháp cho ngành sản xuất hàng hóa trong nước, đồng thời đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng giữa các nhà sản xuất trong nước với các nhà sản xuất nước ngoài là không thể tránh khỏi. Chính vì vậy yêu cầu hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam một cách tổng thể, toàn diện nhằm bảo vệ hợp pháp, hợp lý sản xuất trong nước trước sự cạnh tranh không lành mạnh của hàng hóa nhập khẩu được trợ cấp là yêu cầu mang tính quy Luật.

Với bối cảnh nước ta hiện nay, việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật chống trợ cấp phải phải đi Theo những phương hướng đúng đắn, trên cơ sở quán triệt chủ trương của Đảng và đường lối chính sách của Nhà nước, cụ thể như sau: (i) Việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật chống trợ cấp cần được đặt trong một giải pháp tổng thể để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về phòng vệ thương mại; (ii) Việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật chống trợ cấp cần nghiên cứu kỹ và tương thích các quy định của WTO và FTAs mà Việt Nam đã ký kết cũng như tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia khác; (iii) Việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật chống trợ cấp phải bảo đảm được sự hài hòa giữa bảo hộ sản xuất trong nước và lợi ích kinh tế - xã hội.

- Các giải pháp hoàn thiện pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam hiện nay, trong ngắn hạn, hướng tới việc chỉnh sửa, bổ sung các quy định còn chưa minh bạch, chưa hợp lý, chưa thống nhất và thiếu tính khả thi của Luật Quản lý ngoại thương, Nghị định 10/2018/NĐ-CP và Thông tư 37/2019/TT-BCT, trong dài hạn hướng tới việc ban hành Luật phòng vệ thương mại và các Nghị định hướng dẫn thi hành với các quy định về biện pháp chống trợ cấp

- Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam hết sức có ý nghĩa. Các quy định trong lĩnh vực phòng vệ thương mại nói chung, chống trợ cấp nói riêng có tính chuyên môn cao bao hàm nhiều kiến thức về kinh tế, kế toán, tài chính... do đó; để có thể được sử dụng trên thực tế thì (i) cơ quan thực thi phải có cơ cấu đủ chặt chẽ, nguồn nhân lực có chuyên môn, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại; (ii) sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa cơ quan thực thi với các cơ quan, tổ chức có liên quan để đảm bảo các điều kiện về thông tin, tài chính, cơ chế giám sát... (iii) cộng đồng doanh nghiệp có nhận thức tốt về công cụ chống trợ cấp, có khả năng tìm kiếm thông tin, tập hợp lực lượng, phản ứng kịp thời trước những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh của hàng hóa được trợ cấp.

KẾT LUẬN

Như vậy, luận văn đã làm rõ các nội dung liên quan đến những vấn đề lý luận pháp luật về pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu ở Việt Nam. Qua đó, các nội dung đã được nghiên cứu luận giải từ việc làm rõ những nội hàm về chống trợ cấp, chống lẩn tránh trợ cấp, các khái niệm pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu và những nội dung cơ bản pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu để làm rõ những vấn đề nghiên cứu trong luận văn

Luận văn trên cơ sở nghiên cứu các nội dung lý luận pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu để có những căn cứ làm rõ thực trạng pháp luật và thực tiễn thực pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu ở Việt Nam. Từ những quy định của pháp luật luận văn làm rõ các quy định mới gắn với Luật quản lý ngoại thương 2017 và hệ thống pháp luật liên quan để làm rõ thực trạng pháp luật gắn với hội nhập kinh tế quốc tế. Theo đó, từ đó đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu ở Việt Nam.

Luận văn từ các phân tích về nội hàm pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu ở Việt Nam, đánh giá các tồn tại bất cập để đưa ra các định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về chống lẩn tránh trợ cấp hàng hóa nhập khẩu ở Việt Nam trong xu thế hội nhập đáp ứng nội luật hóa các cam kết quốc tế về thương mại.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế (2018), *Cẩm nang tích hợp các FTA Theo từng lĩnh vực – Hướng dẫn thực thi cam kết về phòng vệ thương mại và giải quyết tranh chấp*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
2. Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế (2020), *Cẩm nang tích hợp các FTA Theo từng lĩnh vực: Hướng dẫn thực thi cam kết trong Hiệp định CPTPP và EVFTA*, NXB Công Thương, Hà Nội.
3. Bộ Công Thương - Cục Quản lý cạnh tranh(2013), *Nguy cơ đánh trùng thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với nền kinh tế phi thị trường – Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Nhà xuất bản Công Thương.
4. Bùi Ngọc Anh (2008), *Tìm hiểu pháp luật về trợ cấp và chống trợ cấp của Mỹ*, Châu Mỹ ngày nay, số 8 – 2008, tr.3 – 12.
5. Nông Quốc Bình, Chủ nhiệm đề tài (2011), *Pháp luật về trợ cấp trong thương mại quốc tế - Lý luận và thực tiễn*, Đề tài cấp trường, Đại học Luật Hà Nội.
6. Bộ Thương mại (2006), *Đề án Biện pháp phòng vệ chính đáng đối với hàng hóa sản xuất trong nước phù hợp với các quy định của Tổ chức thương mại quốc tế (WTO) và các cam kết mà Việt Nam đã ký kết*
7. Phạm Thị Quỳnh Chi (2013), *Thực trạng sử dụng công cụ phòng vệ thương mại trên thế giới và rà soát sự thay đổi quy định phòng vệ thương mại của một số nước trong bối cảnh hiện nay*, Bản tin cạnh tranh và người tiêu dùng, Cục Quản lý Cạnh tranh, Bộ Công thương, số 40 – 2013, tr.11 – 14
8. Trần Việt Dũng (2013), *Chính sách áp đặt đồng thời các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp lên hàng nhập khẩu từ các nước có nền kinh tế phi thị trường của Hoa Kỳ và EU: hợp pháp hay bất hợp pháp trong khuôn khổ WTO*, Nhà nước và Pháp luật, Viện Nhà nước và Pháp luật, Số 10/2013, tr. 48 – 58.
9. Trần Thị Thùy Dương, chủ biên (2014), *Tìm hiểu Luật WTO qua một số vụ kiện về trợ cấp*, NXB Hồng Đức
10. Phùng Gia Đức (2014), *Hệ thống phòng vệ thương mại của Canada và vụ việc Canada lần đầu tiên điều tra chống trợ cấp hàng hóa xuất khẩu từ Việt*

Nam, Bản tin cạnh tranh và người tiêu dùng, Cục Quản lý Cạnh tranh, Bộ Công thương, số 48 – 2014, tr.10 – 14

11. Phùng Gia Đức (2014), *Tổng quan về pháp luật chống trợ cấp, thực tiễn điều tra của Liên minh Châu Âu (EU) và Hoa Kỳ*, Bản tin cạnh tranh và người tiêu dùng, Cục Quản lý Cạnh tranh, Bộ Công thương, số 44 – 2014, tr. 28 – 29.

12. Phạm Châu Giang (2019), *Để hiểu đúng về các nước đang phát triển Theo quy định quốc tế*, Tạp chí Công thương, <http://www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/de-hieu-dung-ve-cac-nuoc-dang-phat-trien-Theo-quy-dinh-quoc-te-63447.htm>.

13. Việt Hà (2013), *Hiện đại hóa các công cụ phòng vệ thương mại của Liên minh Châu Âu (EU)*, Bản tin cạnh tranh và người tiêu dùng, Cục Quản lý Cạnh tranh, Bộ Công thương, số 39 – 2013, tr.22 – 23

14. Hội đồng tư vấn về các biện pháp phòng vệ thương mại thuộc phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (2010), *Cẩm nang kháng kiện chống bán phá giá và chống trợ cấp tại Hoa Kỳ*,

<https://trungtamwto.vn/file/16547/Cam%20nang%20khang%20kien%20chong%20BPG%20va%20chong%20tro%20cap%20tai%20Hoa%20Ky.pdf>